

rèn	rèn				rèn	rèn	rèn	rèn
认	丶	讠	认	认	认	认	认	认
fāng	fāng				fāng	fāng	fāng	fāng
方	丶	一	讠	方	方	方	方	方
xiàng	xiàng		xiàng	xiàng	xiàng	xiàng	xiàng	xiàng
向	丶	亻	向	向	向	向	向	向
miàn	miàn			miàn	miàn	miàn	miàn	miàn
面	一	丿	丿	而	面	面	面	面
tài	tài				tài	tài	tài	tài
太	一	ナ	大	太	太	太	太	太

yáng	yáng	yáng	yáng	yáng	yáng	yáng	yáng	yáng
阳	阳 阳 阳 阳	阳	阳	阳	阳	阳	阳	阳
dōng	dōng	dōng	dōng	dōng	dōng	dōng	dōng	dōng
东	东 东 东 东	东	东	东	东	东	东	东
xī	xī	xī	xī	xī	xī	xī	xī	xī
西	西 西 西 西	西	西	西	西	西	西	西
běi	běi	běi	běi	běi	běi	běi	běi	běi
北	北 北 北 北	北	北	北	北	北	北	北
nán	nán	nán	nán	nán	nán	nán	nán	nán
南	南 南 南 南	南	南	南	南	南	南	南